

# THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ KHU VỰC TÂY BẮC

PGS.TS. NGÔ QUANG SƠN  
ThS. NGUYỄN THỊ ANH TUYẾT  
Ủy ban Dân tộc

## 1. Đặt vấn đề

Giáo dục hướng nghiệp (GDHN) cho học sinh dân tộc thiểu số (HS DTTS) trung học phổ thông có liên quan mật thiết với việc tạo nguồn đào tạo cán bộ có trình độ cho vùng dân tộc miền núi, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trong khi đó, GDHN cho HS DTTS ở các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDNT) THPT và PTDNT liên cấp THCS-THPT chưa được định hướng rõ và chưa có giải pháp phù hợp nên còn có những hạn chế. Số lượng HS thi vào trường đại học nhiều hơn so với trường cao đẳng và TCCN. Số liệu của các đợt điều tra khảo sát từ năm 2010 đến 2014 ở 10 trường PTDNT THPT và PTDNT liên cấp THCS-THPT khu vực Tây Bắc cho thấy số HS DTTS đăng kí thi vào trường đại học thường chiếm tỉ lệ từ 75% - 80%. Tuy nhiên, tỉ lệ đỗ lại rất thấp.

Để tìm hiểu thực trạng quản lý GDHN cho HS DTTS THPT ở các trường PTDNT và PTDNT liên cấp THCS chúng tôi đã tiến hành điều tra bằng 4 loại mẫu phiếu hỏi<sup>1</sup> tại 9 trường PTDNT cấp tỉnh và PTDNT liên cấp THCS-THPT (cấp huyện). Chúng tôi đã thu được 125 phiếu cho CBQL, 202 phiếu cho GV, 897 phiếu cho HS DTTS, 165 phiếu cho PHHS DTTS. Tùy theo mỗi câu, chúng tôi cho điểm từ 1 đến 3 hoặc từ 1 đến 5. Điểm trung bình sẽ rơi vào khoảng từ 1 đến 3 hoặc từ 1 đến 5. Sau đây là một số kết quả thu được.

## 2. Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh dân tộc thiểu số về giáo dục hướng nghiệp

### 2.1. Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về GDHN cho HS DTTS

Đa số CBQL, GV cho rằng GDHN là nhiệm vụ của các đoàn thể khác với điểm số là 3,8 điểm, GV môn Kỹ thuật với 3,08 điểm, GV Giáo dục công dân với 2,89 điểm, giáo viên chủ nhiệm (GVCN) với 2,85 điểm. Quan điểm trên của đa số CBQL, GV cho thấy họ còn chưa đi sát nhiệm vụ GDHN, chưa chú ý thực sự tới nhiệm vụ của giáo viên trong trường PTDNT.

So sánh với kết quả thăm dò ý kiến HS DTTS về đối tượng có ảnh hưởng lớn nhất tới việc chọn nghề của HS, tác giả thấy 41,9% HS cho rằng đối tượng có ảnh hưởng lớn nhất tới việc chọn nghề là GV dạy nghề phổ thông, sau là GV kĩ thuật công nghệ với 36,1%, rồi mới đến GVCN với 33,3%, nhưng các con số này không chiếm tới 50%, điều đó chứng tỏ GVCN chưa có ảnh hưởng nhiều tới HS DTTS trong GDHN.

Trong khi đó, kết quả điều tra của phiếu số 1 cho thấy HS đánh giá cao sự giúp đỡ tư vấn hướng nghiệp cho học sinh DTTS của GVCN (3,12 điểm), thứ hai là cha mẹ và người thân (2,62 điểm). Như vậy, HS DTTS đặt nhiều hy vọng vào GVCN, nhưng bản thân GVCN chưa nhận thức rõ vai trò của mình và chưa làm tốt công tác này.

Khi được hỏi về những điểm khác biệt giữa GDHN trong trường PTDNT với các trường THPT đại trà, có 31,24% GV không có ý kiến; điều đó chứng tỏ có khá nhiều GV chưa nhận thức được nhiệm vụ GDHN đặc thù của trường PTDNT.

### 2.2. Nhận thức của cha mẹ học sinh DTTS

Đối với trường PTDNT, kết hợp giáo dục với gia đình và xã hội là một việc làm khó khăn, bởi vì địa bàn cư trú của HS DTTS trải rộng trên toàn tỉnh nên việc liên hệ với cha mẹ học sinh DTTS chỉ thực hiện được thông qua hình thức gián tiếp như điện thoại, thư từ và số liên lạc. GVCN rất khó có điều kiện thường xuyên liên hệ với phụ huynh học sinh.

Trình độ văn hoá của cha mẹ học sinh DTTS không cao, tất cả những vấn đề thuộc về giáo dục và hình thành nhân cách cho các em đều được thực hiện trong nhà trường, vì thế mà GV thực sự như cha mẹ thứ hai của các em. Thống kê kết quả điều tra, nhóm nghiên cứu thấy rằng đa số cha mẹ được hỏi đều không muốn cho con cái mình trở về làm cán bộ xã hay lao động sản xuất tại địa phương.

Có đến 56,3% mong muốn con mình được học hành và có nghề nghiệp tùy thuộc điều kiện hoàn

<sup>1</sup> Phiếu số 1 cho CBQL; số 2 - GV; số 3 - PHHS; số 4- HS

cảnh kinh tế. Điều này chứng tỏ cha mẹ học sinh DTTS mới chỉ thể hiện nguyện vọng của mình, chứ chưa có nhận thức đầy đủ về việc hướng nghề cho con mình theo khả năng và nhu cầu cán bộ ở địa phương.

**2.3. Nhận thức của học sinh**

Để tìm hiểu quan điểm và nhận thức của HS DTTS về hướng nghiệp, chúng tôi đã sử dụng phiếu điều tra đối với hai đối tượng học sinh khối 10, 11. Từ khi chương trình SGK đưa GDHN thành môn học chính khoá, nhận thức của học sinh DTTS đã có chuyển biến tích cực. Số HS DTTS có nguyện vọng trở về xây dựng quê hương chiếm 64,5% trong đó làm cán bộ xã chiếm 36%, đó chính là tiền đề để nhà trường có hướng phân luồng sớm đào tạo theo địa chỉ. Tỷ lệ học sinh DTTS có hiểu biết về nghề nghiệp hiện nay trong xã hội chiếm khá cao: 97,2% kể tên được nhiều nhóm nghề cơ bản. Nhưng khi được hỏi về các chức danh cán bộ xã và những tiêu chuẩn chuyên môn nghề nghiệp cần phải có để làm việc ở các vị trí trong chính quyền xã thì HS DTTS chỉ biết được một cách chung chung. Qua tìm hiểu về nguyện vọng và thực lực của HS DTTS, chúng tôi thấy, việc phân luồng HS DTTS để định hướng cho các em tìm hiểu những ngành nghề phù hợp với công việc cần được thực hiện từ lớp 10.

Theo kết quả điều tra, 51,3% HS DTTS xác định có thể tìm thông tin về nghề nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng, 38,4% cho rằng có thể dùng mạng Internet để tìm hiểu thông tin về nghề. Như vậy, có thể nhận định rằng đa số HS DTTS rất quan tâm tới nghề nghiệp và mong muốn tìm hiểu về nghề nghiệp, song HS DTTS còn chưa có nhiều cơ hội để tìm hiểu chuyên sâu về tính chất công việc và những điều kiện cần phải có để làm nghề. Một bộ phận HS DTTS còn chưa xác định được rõ nét nhiệm vụ phải phấn đấu và còn chưa quan tâm tìm hiểu về nghề nghiệp. Có đến 36% HS DTTS không hiểu biết gì về các công việc của chính quyền xã. 51,2% HS DTTS được hỏi cho rằng GDHN theo hướng tạo nguồn cán bộ xã là rất cần thiết.

**3. Đánh giá thực trạng quản lí GDHN cho HS DTTS ở các trường PTDTNT cấp tỉnh và PTDTNT liên cấp THCS-THPT khu vực Tây Bắc**

**3.1. Ưu điểm**

- Nội dung, hình thức GDHN cho HS DTTS ngày càng phong phú và đa dạng, góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của nhà trường;
- Việc tổ chức GDHN đã bước đầu góp phần tích

cực vào việc chuẩn bị cho một bộ phận HS DTTS có những phẩm chất cơ bản của người cán bộ DTTS sắp bước vào cuộc sống lao động sản xuất xây dựng quê hương và học tập lên cao hơn;

- Quản lí GDHN đã từng bước dịch chuyển, đổi mới về nội dung, hình thức, thực hiện nghiêm túc chương trình GDHN đối với các lớp 10, 11 phù hợp với yêu cầu của chương trình giáo dục THPT hiện nay và đã cập nhật được phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

**3.2. Hạn chế**

- Chất lượng, hiệu quả của quản lí GDHN nhìn chung còn nhiều hạn chế. Đặc biệt, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục nói chung cũng như mục tiêu giáo dục của trường PTDTNT nói riêng là tạo nguồn đào tạo cán bộ DTTS cấp cơ sở có chất lượng cao phục vụ cho sự đổi mới kinh tế - xã hội ở địa phương trong giai đoạn hiện nay. Nhiều HS DTTS sau khi ra trường đã gặp rất nhiều khó khăn trong công tác khi được chính quyền chú ý bồi dưỡng sử dụng vào những vị trí làm việc có chuyên môn về nghề, bởi vì những kĩ năng có thể được hình thành ngay trong nhà trường phổ thông chưa được chú ý trong quá trình giáo dục của nhà trường một cách có hệ thống, có chủ đích rõ ràng. Những kĩ năng và hiểu biết đó đa phần sẽ được hình thành và rèn luyện qua 4 con đường của GDHN: Qua các môn học, hoạt động LĐSX, sinh hoạt hướng nghiệp và qua hoạt động ngoại khoá, hoạt động nội trú, vốn chưa được thực hiện một cách đầy đủ và có kết quả.

**3.3. Nguyên nhân**

**3.3.1. Nguyên nhân chủ quan**

- Hạn chế về nhận thức của CBQL và GV về tầm quan trọng của GDHN theo hướng tạo nguồn cán bộ, tính chuyên biệt của GDHN trong nhà trường PTDTNT; từ đó công tác lập kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức thực hiện GDHN chưa có chủ đích theo hướng thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường. GV chưa xác định được nhiệm vụ GDHN đặc thù của nhà trường để triển khai thực hiện trong quá trình giáo dục HS DTTS;

- Trình độ, năng lực quản lí và thực hiện GDHN cho HS DTTS của CBQL và GV còn hạn chế;

- Chất lượng đầu vào của HS DTTS còn thấp, nhất là những HS DTTS không qua đào tạo ở các trường PTDTNT huyện; tư tưởng và nghị lực phấn đấu của một bộ phận HS DTTS chưa tốt, còn ngại học tập, rèn luyện;

- Công tác GDHN cho HS DTTS chưa được các

đoàn thể, tổ chức trong nhà trường cùng quan tâm thực hiện, chưa phát huy được vai trò của hoạt động ngoài giờ lên lớp để hình thành những phẩm chất năng lực cần thiết của người cán bộ cho số đông HS DTTS;

- Đội ngũ GV làm chuyên môn hướng nghiệp còn thiếu;

- Công tác xã hội hoá, huy động các nguồn lực cho GDHN của nhà trường chưa được thực hiện có hiệu quả, nhà trường cũng chưa chú ý khai thác thế mạnh của chế độ chính sách ở địa phương có liên quan đến ưu tiên và sử dụng HS DTTS, để đào tạo cán bộ cấp cơ sở;

- Nguồn tài chính phục vụ cho GDHN còn phụ thuộc vào ngân sách được cấp. CSVCTH, tài liệu phục vụ cho GDHN còn chưa được trang bị đầy đủ, nhất là CSVCTH nói chung và TBDH nói riêng phục vụ cho công tác tư vấn hướng nghiệp.

### 3.3.2. Nguyên nhân khách quan

- Các cấp chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm đến việc tạo điều kiện sử dụng HS DTTS tốt nghiệp các trường PTDTNT, còn hiện tượng lãng phí nhân lực do chính quyền cấp xã chưa thu hút sự tham gia của HS DTTS đã tốt nghiệp;

- Việc theo dõi hiệu quả sau đào tạo đối với đối tượng HS PTDTNT được đi học cử tuyển của ngành giáo dục và trường PTDTNT còn chưa sát sao, chưa có thống kê đầy đủ về số lượng HS đã tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp về phục vụ tại địa phương;

- Tác động của nền kinh tế thị trường cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý chọn nghề, ý chí, lý tưởng phấn đấu của một bộ phận HS DTTS.

Qua nghiên cứu những yếu tố môi trường tác động đến GDHN cho HS PTDTNT cấp tỉnh và PTDTNT liên cấp THCS-THPT và thực trạng quản lý GDHN ở trường PTDTNT cấp tỉnh và PTDTNT liên cấp THCS-THPT, chúng tôi nhận thấy trong bối cảnh KT-XH hiện nay, quá trình chỉ đạo thực hiện các giải pháp quản lý GDHN đã có được những thành công ban đầu; bên cạnh đó cũng có không ít những hạn chế, thiếu sót.

Những thành công có được trong quản lý GDHN là do tập thể sư phạm nhà trường mà trước hết là hiệu trưởng nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của hoạt động GDHN, từ đó có sự nỗ lực trong chỉ đạo, tổ chức và thực hiện các giải pháp quản lý GDHN.

Những hạn chế của hoạt động GDHN theo hướng tạo nguồn cán bộ và công tác quản lý hoạt

động GDHN trong nhà trường có nguyên nhân từ vấn đề nhận thức và một số nguyên nhân khác của quản lý GDHN như: chưa phát huy sức mạnh của tập thể sư phạm, của các đoàn thể trong nhà trường, của gia đình HS, của các xã hội; chưa quan tâm xây dựng các điều kiện cho hoạt động GDHN như cơ sở vật chất, thiết bị GDHN, xây dựng đội ngũ GV hướng nghiệp...

### 4. Kết luận

Có thể nói, dù hoạt động GDHN đã có bước chuyển biến trong các trường học, nhưng hiệu trưởng, CBQL, GV mà trước hết là hiệu trưởng vẫn chưa đặt GDHN vào đúng tầm, đúng vị trí như quan điểm của Đảng, của ngành giáo dục và đào tạo, của các cấp lãnh đạo tỉnh đã đề ra. GDHN vẫn bị xem là loại hoạt động thứ hai sau dạy văn hoá, khoa học cơ bản và chưa được xác định rõ tính chuyên biệt đặc thù của nó trong trường PTDTNT cấp tỉnh, PTDTNT liên cấp THCS-THPT cấp huyện. Chỉ khi nào vấn đề nhận thức trên được giải quyết tốt, nhà trường mới tập trung đầu tư cho GDHN thì GDHN thật sự mang lại hiệu quả thiết thực cho HS DTTS. Nhà trường khi đó mới thực sự là cái nôi tạo nguồn đào tạo cán bộ DTTS có chất lượng cao cho các tỉnh khu vực Tây Bắc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Danh Ánh (2006), *Những điểm mới trong chương trình giáo dục hướng nghiệp thí điểm hiện nay*, Tạp chí Giáo dục số 132.
2. Đặng Danh Ánh (2005), *Tư vấn chọn nghề cho học sinh phổ thông*, Tạp chí Giáo dục số 121.
3. Nguyễn Viết Sự (2005), *Giáo dục nghề nghiệp những vấn đề và giải pháp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Trí (2006), *Giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông vấn đề và định hướng giải pháp*, Tạp chí Giáo dục số 146.
5. Hà Thế Truyền (2005), *Một số biện pháp thực hiện giáo dục lao động - hướng nghiệp - dạy nghề góp phần thực hiện tốt việc phân luồng trong đào tạo*, Tạp chí Giáo dục số 107.

### SUMMARY

The article stated reality of vocational education management for ethnic minority students at high boarding schools and secondary boarding schools in Northwest region. The article analyzed the survey results and evaluated the current situation, finding out limitation in the management of vocational education for minority students at high boarding schools and secondary boarding schools in Northwest region.